

**CÔNG TY TNHH SCONTEC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SCONTEC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300781573

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 08/07/2013

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Thôn Nội Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0902030509

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390        |
| 2.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                             | 2395        |
| 3.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                       | 2511        |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329        |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 7.  | Quảng cáo                                                                                            | 7310        |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                | 4100(Chính) |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                            | 4210        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4290        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                               | 4311        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                      | 4322        |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663        |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(( không bao gồm tư vấn kế toán, kiểm toán, tài chính))                  | 7020        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br/>(Chi tiết: Giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị , hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp<br/>Thiết kế hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp<br/>Định giá hạng 2<br/>Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và giao thông. Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá phân tích hồ sơ dự thầu.<br/>Quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp<br/>Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn<br/>Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế quy hoạch xây dựng<br/>Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp hạ tầng kỹ thuật<br/>Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ, thủy lợi<br/>Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.)</p> | 7110 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220 |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610 |
| 20. | <p>Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br/>(( không bao gồm cung ứng nguồn lao động ra nước ngoài)<br/>Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước.)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7830 |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3320 |
| 22. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br/>(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng<br/>Bán buôn máy móc, thiết bị điện vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 23. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0810 |
| 24. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2824 |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7730 |
| 26. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br/>(Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6820 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ(%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | NGUYỄN MINH SƠN  | Thôn Nội Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                     | 7.200.000.000   | 80,00    | 125027000                                                                                                             |
| 2   | NGUYỄN THÁI VINH | Thôn Nội Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                     | 1.800.000.000   | 20,00    | 125085676                                                                                                             |

#### 9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ và tên: NGUYỄN MINH SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 21/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125027000

Ngày cấp: 20/02/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nội Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nội Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

#### 10. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh